

<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
Số: 03/2024/CBTT	<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2023	Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP KASATI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP KASATI**

- Mã chứng khoán: KST
- Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 08 38655343 Fax: 08 38 652487
- Email: longnguyen@kasati.com.vn
- Website: [www.kasati.com.vn](http://www.kasati.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:  
+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Công văn giải trình đính kèm

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 11/03/2024 tại đường dẫn: [www.kasati.com.vn](http://www.kasati.com.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

<p><b>Tài liệu đính kèm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- BCTC</li><li>- Văn bản giải trình</li></ul>	<p style="text-align: center;"><b>Đại diện tổ chức</b> Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)</p> <div style="text-align: center;">  </div> <div style="text-align: right;"></div>
--	--

**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	08 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Tô Hoài Văn	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Phước Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Long	Thành viên
Bà Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng ban
Ông Đỗ Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên
Ông Lê Xuân Bách	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Phước Hiền

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Phước Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2024*

Số: 025/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kasati**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2024, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1822-2023-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2024

**Phạm Hoàng Việt**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4924-2024-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>240.501.817.900</b>	<b>240.884.726.811</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.207.537.414</b>	<b>68.499.552.588</b>
1. Tiền	111		13.037.504.731	55.884.552.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.170.032.683	12.615.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>7.354.228.675</b>	<b>9.070.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.354.228.675	9.070.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.692.877.493</b>	<b>115.032.372.065</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.025.040.238	96.143.556.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		513.714.113	4.126.890.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.627.187.588	16.367.989.363
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(473.064.446)	(1.606.064.446)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>130.457.566.185</b>	<b>44.847.653.117</b>
1. Hàng tồn kho	141		138.027.732.322	52.417.819.254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.570.166.137)	(7.570.166.137)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.789.608.133</b>	<b>3.435.149.041</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	65.921.016	130.752.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.723.687.117	3.304.396.390
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.242.862.752</b>	<b>8.458.263.466</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>110.030.605</b>	<b>125.030.663</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	110.030.605	125.030.663
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.720.445.178</b>	<b>2.890.376.758</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.579.959.878	2.692.615.458
- Nguyên giá	222		41.666.955.229	40.799.638.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.086.995.351)	(38.107.023.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	140.485.300	197.761.300
- Nguyên giá	228		911.885.959	911.885.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.400.659)	(714.124.659)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.927.009.675</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.900.000.000	4.900.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	27.009.675
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>512.386.969</b>	<b>515.846.370</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	512.386.969	515.846.370
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>249.744.680.652</b>	<b>249.342.990.277</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>178.437.111.024</b>	<b>176.537.194.473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>178.437.111.024</b>	<b>176.537.194.473</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	152.173.909.229	144.558.018.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		292.384.633	27.268.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	144.519.761	649.856.317
4. Phải trả người lao động	314		626.000.000	5.776.980.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.723.924.705	10.354.302.973
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		669.367.833	657.172.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.216.781.982	13.804.606.251
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	7.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		590.222.881	708.988.018
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.307.569.628</b>	<b>72.805.795.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>71.307.569.628</b>	<b>72.805.795.804</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.920.200.000	59.920.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.920.200.000	59.920.200.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.024.805.255	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.362.564.373	12.885.595.804
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.802.911.622	2.802.911.622
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.559.652.751	10.082.684.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>249.744.680.652</b>	<b>249.342.990.277</b>

Lê Minh Tổng  
Người lập biểu

Đoàn Thị Triệu Phước  
Kế toán trưởng



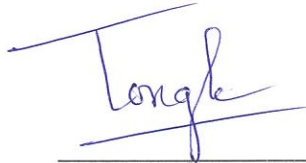
Lê Phước Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	182.080.407.062	286.632.849.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.977.570.103	3.083.010.188
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	179.102.836.959	283.549.838.814
4. Giá vốn hàng bán	11	21	159.880.380.287	253.802.911.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.222.456.672	29.746.927.105
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.189.851.049	1.861.563.849
7. Chi phí tài chính	22	24	225.061.836	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	14.574.632.542	19.096.009.367
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		6.612.613.343	12.512.481.587
10. Thu nhập khác	31		461.973.196	127.717.445
11. Chi phí khác	32		34.255.600	34.320.426
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		427.717.596	93.397.019
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.040.330.939	12.605.878.606
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.480.678.188	2.523.194.424
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		5.559.652.751	10.082.684.182
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	870	1.579



Lê Minh Tông  
Người lập biểu



Đoàn Thị Triệu Phước  
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.040.330.939</b>	<b>12.605.878.606</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	812.827.944	968.804.679
- Các khoản dự phòng	03	(1.133.000.000)	628.364.826
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	194.160.612	(91.930.115)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.352.870.809)	(1.874.887.570)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>4.561.448.686</b>	<b>12.236.230.426</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	50.676.959.679	(75.322.361.713)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(85.609.913.068)	(37.815.618.105)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.208.097.396)	143.481.082.664
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	68.291.036	304.034.078
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.508.160.109)	(2.366.626.913)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.200.000	15.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(718.900.000)	(71.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(37.725.171.172)</b>	<b>40.459.940.437</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.642.896.364)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	263.636.364	104.545.455
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.815.000.000)	(14.470.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.000.000.000	170.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.038.259.669	1.588.356.448
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.156.000.331)</b>	<b>(12.607.098.097)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.411.461.400)	(3.691.084.320)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>588.538.600</b>	<b>(3.691.084.320)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(39.292.632.903)</b>	<b>24.161.758.020</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>68.499.552.588</b>	<b>44.336.868.205</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	617.729	926.363
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>29.207.537.414</b>	<b>68.499.552.588</b>



Lê Minh Tổng  
Người lập biểu



Đoàn Thị Triệu Phước  
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kasati (“Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 7 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 12 năm 2023, Vốn điều lệ của Công ty là 59.920.200.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã giao dịch là KST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 82 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; Cung cấp thông tin lên mạng internet; Dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; Đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở). Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy;
- Mua bán xe ô tô, xe có động cơ;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ;
- Quảng cáo;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị điện tử, tin học;
- Kinh doanh phần mềm tin học;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăngten (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng (trừ phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê thiết bị mạng-viễn thông-tin học -điện-điện tử và điện lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Mua bán xe gắn máy;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Mua bán máy móc, phụ tùng-các bộ phận phụ trợ của xe gắn máy;
- Mua bán máy móc ngành xây dựng;
- Hoạt động giao nhận hàng hóa. Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử, kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử và cho thuê văn phòng, kho bãi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Kasaco	Thành phố Hồ Chí Minh	49	49	Dịch vụ cho thuê hệ thống và phần mềm; Dịch vụ tư vấn, tuyển chọn và đào tạo điện thoại viên

***Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:***

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kasati tại Hà Nội	Số 24, tập thể Đài phát thanh Mễ Trì, tổ dân phố số 1, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kasati tại Đà Nẵng	38 Tạ Mỹ Duật, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Chi phí bảo hiểm:* Các chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định:* Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
TSCĐ hữu hình khác	04

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

*Phần mềm máy tính:* Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả chi phí đi vay đều được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Bên góp vốn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Bên góp vốn
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Đơn vị trực thuộc VNPT
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Đơn vị trực thuộc VNPT
Tổng Công ty Truyền thông	Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty Viễn thông Quốc tế	Đơn vị trực thuộc VNPT
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty CP Cokyvina	Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Viễn Thông	Công ty con của VNPT
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Viễn Thông	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ phần Các Hệ Thống Viễn Thông Vineco	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ Phần Thiết Kế Viễn Thông Tin Học Đà Nẵng	Công ty con của VNPT
Công ty TNHH Thiết Bị Viễn Thông ANSV	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Đồng Tháp	Công ty liên kết của VNPT
Công ty Cổ Phần Viễn Thông VTC	Công ty liên kết của VNPT
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp BCVT	Đơn vị có vốn góp của VNPT
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	Đơn vị có vốn góp của VNPT
Công ty Cổ phần Kasaco	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	Quản lý chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	206.563.495	97.595.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.830.941.236	55.786.956.866
Các khoản tương đương tiền (i)	16.170.032.683	12.615.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.207.537.414</b>	<b>68.499.552.588</b>

- (i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng, lãi suất dao động từ 2,8% đến 6%. Một số khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội được dùng để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số 16).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>	<b>7.354.228.675</b>	<b>7.354.228.675</b>	<b>9.070.000.000</b>	<b>9.070.000.000</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.354.228.675	7.354.228.675	9.070.000.000	9.070.000.000		
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.009.675</b>	<b>27.009.675</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	27.009.675	27.009.675		
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Kasaco	4.900.000.000	-	(*)	4.900.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

*Thông tin bổ sung*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305339252 thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kasaco 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.900.000.000 VND, tương đương 49% Vốn điều lệ (số đầu năm là 4.900.000.000 VND, tương đương 49% Vốn điều lệ).

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết*

Trong năm, Công ty CP Kasaco hoạt động kinh doanh có lãi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Kasaco đang lãi lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>32.211.919.141</b>	<b>73.063.559.702</b>
Công ty CP Kasaco	172.260.000	517.044.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	20.630.554.222	46.048.121.859
Công ty CP Cokyvina	10.753.296.000	25.583.817.971
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	655.808.919	914.575.872
<b>b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>12.813.121.097</b>	<b>23.079.997.175</b>
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone và các đơn vị trực thuộc	7.397.315.870	11.137.533.583
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	1.977.723.721	5.385.780.736
Công ty CP TM và Đầu tư Công Nghệ Interland	473.064.446	1.606.064.446
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	-	-
Các khách hàng khác	2.965.017.060	4.950.618.410
<b>Cộng</b>	<b>45.025.040.238</b>	<b>96.143.556.877</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>15.627.187.588</b>	<b>16.367.989.363</b>
<b>a1) Phải thu khác bên liên quan</b>	<b>37.100.000</b>	-
Chi hộ Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	37.100.000	-
<b>a2) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>15.590.087.588</b>	<b>16.367.989.363</b>
Tạm ứng nhân viên	4.277.665.241	5.550.138.494
Ký cược, ký quỹ (i)	9.957.646.996	10.563.183.091
Lãi dự thu	304.247.554	253.272.778
Phải thu khác	1.050.527.797	1.395.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>110.030.605</b>	<b>125.030.663</b>
Ký cược, ký quỹ	110.030.605	125.030.663
<b>Cộng</b>	<b>15.737.218.193</b>	<b>16.493.020.026</b>

- (i) Một số khoản ký cược, ký quỹ của Ngân hàng TMCP Quân đội được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số 16).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.069.754.594	-		-
Nguyên liệu, vật liệu	6.909.999.345	(6.792.270.102)	7.262.984.398	(6.792.270.102)
Chi phí SXKD dở dang	129.243.375.396	-	44.355.181.869	-
Thành phẩm	456.894.722	(456.894.722)	456.894.722	(456.894.722)
Hàng hóa	347.708.265	(321.001.313)	342.758.265	(321.001.313)
<b>Cộng</b>	<b>138.027.732.322</b>	<b>(7.570.166.137)</b>	<b>52.417.819.254</b>	<b>(7.570.166.137)</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các dự án, công trình lắp đặt, bảo dưỡng còn dở dang tại 31 tháng 12 năm 2023. Phần lớn chi phí dở dang này liên quan đến công trình lắp đặt cho dự án “Cung cấp và lắp đặt thiết bị MANE 19 tỉnh, thành phố” được triển khai thực hiện vào thời điểm cuối năm.

Một số hàng hóa, thiết bị liên quan đến Dự án Cung cấp và lắp đặt thiết bị MANE 19 tỉnh, thành phố hình thành từ vốn vay, được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số 16).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.921.016</b>	<b>130.752.651</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.438.492	77.783.690
Chi phí bảo hiểm	51.482.524	52.968.961
<b>b) Dài hạn</b>	<b>512.386.969</b>	<b>515.846.370</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	173.830.936	241.958.450
Chi phí sửa chữa	338.556.033	273.887.920



**CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.872.785.090</b>	<b>23.156.723.754</b>	<b>4.878.504.415</b>	<b>1.772.005.436</b>	<b>119.620.170</b>	<b>40.799.638.865</b>
- Mua trong năm	-	106.340.000	1.536.556.364	-	-	1.642.896.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(775.580.000)	-	-	(775.580.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.872.785.090</b>	<b>23.263.063.754</b>	<b>5.639.480.779</b>	<b>1.772.005.436</b>	<b>119.620.170</b>	<b>41.666.955.229</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.521.648.095</b>	<b>23.119.193.666</b>	<b>2.751.454.338</b>	<b>1.595.107.138</b>	<b>119.620.170</b>	<b>38.107.023.407</b>
- Khấu hao trong năm	219.086.925	41.947.609	429.813.778	64.703.632	-	755.551.944
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(775.580.000)	-	-	(775.580.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.740.735.020</b>	<b>23.161.141.275</b>	<b>2.405.688.116</b>	<b>1.659.810.770</b>	<b>119.620.170</b>	<b>38.086.995.351</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>351.136.995</b>	<b>37.530.088</b>	<b>2.127.050.077</b>	<b>176.898.298</b>	<b>-</b>	<b>2.692.615.458</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>132.050.070</b>	<b>101.922.479</b>	<b>3.233.792.663</b>	<b>112.194.666</b>	<b>-</b>	<b>3.579.959.878</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 37.178.947.138 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 36.037.266.532 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	<b>911.885.959</b>	<b>911.885.959</b>
Số dư cuối năm	<b>911.885.959</b>	<b>911.885.959</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	<b>714.124.659</b>	<b>714.124.659</b>
- Khấu hao trong năm	<b>57.276.000</b>	<b>57.276.000</b>
Số dư cuối năm	<b>771.400.659</b>	<b>771.400.659</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	<b>197.761.300</b>	<b>197.761.300</b>
Tại ngày cuối năm	<b>140.485.300</b>	<b>140.485.300</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TS đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 625.505.959 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 625.505.959 VND).

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>		<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>trả nợ</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>trả nợ</u> VND
Huawei International Pte.Ltd	139.875.499.922	139.875.499.922	100.645.551.653	100.645.551.653
Hợp tác xã Dịch vụ Du lịch Vận tải Khánh Mai	3.905.006.800	3.905.006.800	7.355.727.200	7.355.727.200
Hợp tác xã Vận tải 9	2.658.667.360	2.658.667.360	7.365.874.970	7.365.874.970
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông Mê Kông	1.210.000.000	1.210.000.000	4.654.100.000	4.654.100.000
Công ty TNHH Orange Plus	4.416.596.000	4.416.596.000	13.745.908.800	13.745.908.800
Công ty TNHH ZTE HK (Việt Nam)	-	-	2.063.241.402	2.063.241.402
Các đối tượng khác	108.139.147	108.139.147	8.727.614.855	8.727.614.855
<b>Cộng</b>	<b>152.173.909.229</b>	<b>152.173.909.229</b>	<b>144.558.018.880</b>	<b>144.558.018.880</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp		Số đã thực nộp	
	Số đầu năm	trong năm	trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	495.686.515	19.524.767.514	(20.006.797.468)	13.656.561
Thuế xuất, nhập khẩu	-	587.468	(587.468)	-
Thuế TNDN	127.214.574	1.480.678.188	(1.508.160.109)	99.732.653
Thuế thu nhập cá nhân	26.955.228	549.699.814	(545.524.495)	31.130.547
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.150.087.348	(12.150.087.348)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>649.856.317</b>	<b>33.710.820.332</b>	<b>(34.216.156.888)</b>	<b>144.519.761</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Trích trước chi phí bảo dưỡng, lắp đặt công trình	5.723.924.705		10.354.302.973	
<b>Cộng</b>	<b>5.723.924.705</b>		<b>10.354.302.973</b>	

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Kinh phí công đoàn	182.885.195		208.011.203	
Bảo hiểm xã hội	27.335.470		29.872.270	
Bảo hiểm thất nghiệp	24.952.490		25.245.610	
Nhận ký quỹ, ký cược	1.543.996.000		1.571.440.000	
Phải trả chi phí các công trình	7.268.586.452		11.858.895.069	
Phải trả khác	2.169.026.375		111.142.099	
<b>Cộng</b>	<b>11.216.781.982</b>		<b>13.804.606.251</b>	

**16. VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
Sở giao dịch 2						
<b>Cộng</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 theo hợp đồng cấp tín dụng số 149764.23.103.4518635.TD ngày 20 tháng 7 năm 2023. Hạn mức tín dụng là 87.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến 05 tháng 7 năm 2024. Số tiền cho vay, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là các khoản ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án vay ngân hàng tài trợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.960.100.000</b>	<b>9.980.050.000</b>	<b>19.229.003</b>	<b>11.792.993.202</b>	<b>14.905.586.698</b>	<b>66.657.958.903</b>
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	29.960.100.000	(9.980.050.000)	(19.229.003)	(11.792.993.202)	(8.167.827.795)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.082.684.182	10.082.684.182
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(243.762.961)	(243.762.961)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.691.084.320)	(3.691.084.320)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>59.920.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.885.595.804</b>	<b>72.805.795.804</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.559.652.751	5.559.652.751
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	-	3.024.805.255	(3.024.805.255)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(622.334.863)	(622.334.863)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(6.411.461.400)	(6.411.461.400)
Thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	(24.082.664)	(24.082.664)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>59.920.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.024.805.255</b>	<b>8.362.564.373</b>	<b>71.307.569.628</b>

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 622.334.863 VND
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 3.024.805.255 VND
- Thưởng HĐQT, BKS: 24.082.664 VND
- Chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 10,7% vốn góp, tương ứng 6.411.461.400 VND.

Cổ tức đã được chi trả trong năm nay là 6.411.461.400 VND (năm trước là 3.691.084.320 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 12 năm 2023, Vốn điều lệ của Công ty là 59.920.200.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Vốn đã góp</b>			
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	33,88%	20.300.000.000	33,88%	20.300.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	21,30%	12.761.800.000	21,30%	12.761.800.000
Các cổ đông khác	44,82%	26.858.400.000	44,82%	26.858.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>59.920.200.000</b>	<b>100%</b>	<b>59.920.200.000</b>

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.020	5.992.020
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.992.020	5.992.020
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.992.020	5.992.020
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.992.020	5.992.020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)	1.907,45	2.825,95

**19. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam. Hoạt động của Công ty trong 3 khu vực này không có khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**20. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	92.825.430.170	136.043.377.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.254.976.892	150.589.471.365
	<b><u>182.080.407.062</u></b>	<b><u>286.632.849.002</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	2.601.000.000	2.746.829.200
Giảm giá hàng bán	376.570.103	336.180.988
	<b><u>2.977.570.103</u></b>	<b><u>3.083.010.188</u></b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>179.102.836.959</u></b>	<b><u>283.549.838.814</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Kasaco	471.000.000	549.420.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	99.093.861.350	119.721.779.367
Công ty CP Cokyvina	19.705.669.000	75.801.439.175
Công ty CP Công nghệ Công nghiệp BCVT	-	112.590.000
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	2.217.188.135	3.212.346.072

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	89.438.621.530	133.154.990.631
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	70.441.758.757	120.501.375.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	146.545.492
<b>Cộng</b>	<b><u>159.880.380.287</u></b>	<b><u>253.802.911.709</u></b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.346.591.665	60.224.556.759
Chi phí nhân công	14.444.968.898	23.143.057.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.827.944	968.804.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.570.888.805	51.674.097.255
Chi phí khác bằng tiền	11.103.608.552	23.541.447.773
<b>Cộng</b>	<b><u>104.278.885.864</u></b>	<b><u>159.551.963.953</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.089.234.445	1.280.342.115
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	-	490.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	100.616.604	91.221.734
<b>Cộng</b>	<b><u>2.189.851.049</u></b>	<b><u>1.861.563.849</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	225.061.836	-
<b>Cộng</b>	<b><u>225.061.836</u></b>	<b><u>-</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.097.814.757	11.971.293.305
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.052.872.143	1.068.828.905
Chi phí khấu hao TSCĐ	494.263.180	471.717.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.742.220.468	1.193.536.424
Hoàn nhập/ (Trích) chi phí dự phòng	(1.133.000.000)	481.819.334
Các khoản chi phí QLDN khác	4.320.461.994	3.908.814.315
<b>Cộng</b>	<b><u>14.574.632.542</u></b>	<b><u>19.096.009.367</u></b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.040.330.939</b>	<b>12.605.878.606</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>363.060.000</i>	<i>390.300.426</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>-</i>	<i>(490.000.000)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b><u>7.403.390.939</u></b>	<b><u>12.506.179.032</u></b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.480.678.188</b>	<b>2.501.235.806</b>
Truy thu thuế TNDN	-	21.958.618
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>1.480.678.188</u></b>	<b><u>2.523.194.424</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.559.652.751	10.082.684.182
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	<i>(344.380.829)</i>	<i>(622.334.863)</i>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.215.271.922</b>	<b>9.460.349.319</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (ii)	5.992.020	5.992.020
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>870</b>	<b>1.579</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 622.334.863 VND. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bị thay đổi (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 1.683 VND/cổ phiếu).

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được ước tính dựa trên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ bao gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Các khoản vay	7.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(29.207.537.414)	(68.499.552.588)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	71.307.569.628	72.805.795.804
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.207.537.414	68.499.552.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.374.562.585	106.961.407.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.354.228.675	9.097.009.675
<b>Cộng</b>	<b>92.936.328.674</b>	<b>184.557.970.009</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	7.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	163.155.518.056	158.099.496.048
Chi phí phải trả	5.723.924.705	10.354.302.973
<b>Cộng</b>	<b>175.879.442.761</b>	<b>168.453.799.021</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 03, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá trong tương lai.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.207.537.414	-	29.207.537.414
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.264.531.980	110.030.605	56.374.562.585
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.354.228.675	-	7.354.228.675
<b>Cộng</b>	<b>92.826.298.069</b>	<b>110.030.605</b>	<b>92.936.328.674</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	163.155.518.056	-	163.155.518.056
Chi phí phải trả	5.723.924.705	-	5.723.924.705
<b>Cộng</b>	<b>175.879.442.761</b>	<b>-</b>	<b>175.879.442.761</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(83.053.144.692)</b>	<b>110.030.605</b>	<b>(82.943.114.087)</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.499.552.588	-	68.499.552.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.836.377.083	125.030.663	106.961.407.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.070.000.000	27.009.675	9.097.009.675
<b>Cộng</b>	<b>184.405.929.671</b>	<b>152.040.338</b>	<b>184.557.970.009</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	158.099.496.048	-	158.099.496.048
Chi phí phải trả	10.354.302.973	-	10.354.302.973
<b>Cộng</b>	<b>168.453.799.021</b>	<b>-</b>	<b>168.453.799.021</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.952.130.650</b>	<b>152.040.338</b>	<b>16.104.170.988</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 7, 16 và 19; trong năm, Công ty còn các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan.*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam</b>		
Nhận tiền để chi hộ tiền thưởng	-	87.800.000
Chi hộ tiền thưởng	37.100.000	50.900.000
Chi trả cổ tức	2.172.100.000	1.250.480.000
<b>Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện</b>		
Chi trả cổ tức	-	725.623.052
<b>Công ty CP Cokyvina</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	33.342.313.971	39.577.096.603
Hoàn trả tiền thuế GTGT đối với doanh thu cung cấp dịch vụ	509.631.691	-
<b>Công ty CP Kasaco</b>		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	859.254.000	709.830.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

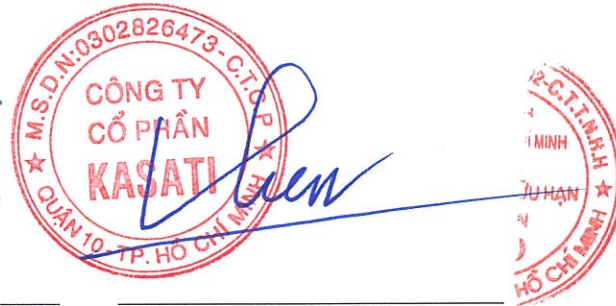
*Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát*

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I.</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>412.238.791</b>	<b>313.056.000</b>
1.	Tô Hoài Văn	Chủ tịch	106.612.619	77.760.000
2.	Đỗ Quang Khánh	Phó chủ tịch	81.734.674	59.616.000
3.	Nguyễn Thị Hồng Mai	Thành viên	41.576.412	51.840.000
4.	Lê Phước Hiền	Phó chủ tịch	81.734.674	66.240.000
5.	Nguyễn Long	Thành viên	71.078.412	57.600.000
6.	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên	29.502.000	-
<b>II.</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>1.998.055.000</b>	<b>1.404.212.604</b>
1.	Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	754.000.000	526.081.107
2.	Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc	649.149.000	440.336.776
3.	Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	594.906.000	437.794.721
<b>III.</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>360.864.871</b>	<b>363.848.800</b>
1.	Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng Ban	289.796.457	306.248.800
2.	Đỗ Ngọc Khánh	Thành viên	20.786.207	28.800.000
3.	Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên	35.534.207	28.800.000
4.	Lê Xuân Bách	Thành viên	14.748.000	-
<b>IV.</b>	<b>Kế toán trưởng</b>		<b>441.331.000</b>	<b>384.901.000</b>
	Đoàn Thị Triệu Phước	Kế toán trưởng	441.331.000	384.901.000
	<b>Cộng</b>		<b>3.212.489.662</b>	<b>2.466.018.404</b>

Lê Minh Tổng  
Người lập biểu

Đoàn Thị Triệu Phước  
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024